

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành:	Điều dưỡng
Mã ngành:	6720301
Trình độ đào tạo:	Cao đẳng
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
Thời gian đào tạo:	3 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo người Điều dưỡng trình độ Cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có năng lực thực hành Điều dưỡng ở trình độ cao đẳng, có sức khoẻ, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Chương trình Điều dưỡng cao đẳng nhằm đào tạo người Điều dưỡng có khả năng cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ an toàn và hiệu quả cho người bệnh. Được trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng và tâm huyết với nghề nghiệp, thực hành nghề nghiệp trong khuôn khổ quy định của luật pháp và các chính sách của Nhà nước, người Điều dưỡng sẽ đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khoẻ người bệnh một cách toàn diện về thể chất, tâm-sinh lý và xã hội. Đồng thời, người Điều dưỡng luôn có ý thức học hỏi, chủ động phát triển nghề nghiệp cho bản thân mình, đảm bảo thực hành chuyên môn an toàn, hiệu quả.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Kiến thức nghề nghiệp

- Trình bày được cấu tạo, hoạt động và chức năng của cơ thể con người trong trạng thái bình thường và bệnh lý;
- Trình bày được sự tác động của môi trường sống đối với sức khoẻ con người, các biện pháp duy trì, cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khoẻ;
- Trình bày được những nguyên tắc cơ bản về quy trình chăm sóc, chẩn đoán điều dưỡng và phòng bệnh;
- Trình bày được luật pháp, chính sách của nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ của nhân dân;
- Trình bày được phương pháp luận khoa học trong công tác chăm sóc, phòng bệnh, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học.

1.2.2. Kỹ năng nghề nghiệp

- Thực hiện đầy đủ và thành thạo các kỹ thuật chăm sóc điều dưỡng;
- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh theo đúng qui trình điều dưỡng;
- Thực hiện tốt các y lệnh của thầy thuốc, đề xuất các biện pháp xử lý hợp lý, phối hợp với các chuyên môn khác để chăm sóc và nâng cao sức khoẻ người bệnh;
- Tham gia công tác quản lý ngành, đào tạo điều dưỡng và nhân viên y tế;
- Kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại trong công tác phòng và chữa bệnh;
- Tham gia phát hiện sớm các dịch bệnh tại địa phương và phối hợp phòng chống các bệnh dịch;
- Tư vấn, giáo dục sức khoẻ cho người bệnh và cộng đồng;
- Phối hợp thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khoẻ ban đầu, kế hoạch hoá gia đình, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ cộng đồng;
- Sử dụng được tối thiểu một ngoại ngữ để đọc và hiểu được tài liệu chuyên môn của nước ngoài.

1.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Yêu ngành, yêu nghề, tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh;
- Tôn trọng, đoàn kết, hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành;
- Khiêm tốn học hỏi, tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp: Các cơ sở y tế của nhà nước và tư nhân từ tuyến Trung ương, tỉnh, thành phố đến cơ sở đào tạo, quản lý trong lĩnh vực y tế.
- Bậc học tiếp tục: Các loại hình đào tạo đại học và sau đại học.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khoá học:

- Số lượng môn học, môđun: 46;
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 107 tín chỉ với 2685 giờ;
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 19 tín chỉ, 435 giờ;
- Khối lượng các môn học chuyên môn: 88 tín chỉ, 2250 giờ, trong đó:
 - + Khối lượng các môn học cơ sở chuyên ngành: 35 tín chỉ với 735 giờ;
 - + Khối lượng các môn học chuyên ngành: 51 tín chỉ với 1515 giờ;
- Khối lượng lý thuyết: 798 giờ; thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1814 giờ;
- Khối lượng thi - kiểm tra: 73 giờ;
- Thời gian đào tạo: 3 năm
- Tỷ lệ:
 - + Lý thuyết/ Chương trình: 30%
 - + Thực hành/ Chương trình: 68%

3. Nội dung chương trình:

Mã MH, MĐ	Tên môn học/ mô đun	Số Tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			TS	Trong đó		
				LT	TH	Thi /KT
I.	Các môn học chung/ đại cương	19	435	157	255	23
DT6001	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5
DT6002	Pháp luật	2	30	18	10	2
DT6003	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
DT6004	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	3	75	36	35	4
DT6005	Tin học	3	75	15	58	2
DT6006	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	5	120	42	72	6
II.	Các môn học, mô đun chuyên môn	88	2250	641	1559	50
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	35	735	301	408	26
YD69903	Sinh học và Di truyền	2	45	14	29	2
YD6202	Hóa học đại cương	2	45	14	29	2
YD6203	Vật lý và Lý sinh	2	45	14	29	2
YD69901	Giải phẫu - Sinh lý	3	60	30	28	2
YD69904	Vi sinh - Ký sinh trùng	2	45	14	29	2
YD6206	Hoá sinh	1	15	14	0	1
YD6207	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	1	15	14	0	1
YD6208	Dược lý	2	45	14	29	2
YD6209	Điều dưỡng cơ sở I	4	90	29	59	2
YD6210	Điều dưỡng cơ sở II	6	135	44	89	2
YD6211	Kiểm soát nhiễm khuẩn	2	45	14	29	2
YD6212	Dinh dưỡng	2	45	14	29	2
YD6213	Sức khỏe - Môi trường và vệ sinh Nâng cao Sức khỏe và hành vi con người	1	15	14	0	1
YD6214	Tổ chức Y tế	2	30	29	0	1
YD6215	Kỹ năng giao tiếp và giáo dục sức khỏe	3	60	29	29	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn	26	435	326	87	22
YD6216	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa	3	60	29	29	2
YD6217	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa	3	60	29	29	2
YD6218	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	3	60	29	29	2
YD6219	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	2	30	28	00	2
YD6220	Chăm sóc người bệnh cấp cứu & chăm sóc tích cực	2	30	28	00	2
YD6221	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm	3	45	43	00	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học/ mô đun	Số Tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			TS	Trong đó		
				LT	TH	Thi /KT
YD6222	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	2	30	28	00	2
YD6223	Thống kê Y học	1	15	14	00	1
YD69902	Nghiên cứu khoa học	1	15	14	00	1
YD6225	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	2	30	28	00	2
YD6226	Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng	1	15	14	0	1
YD6227	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	1	15	14	0	1
YD6228	Chăm sóc sức khỏe bệnh chuyên khoa	2	30	28	0	2
II.3	Các môn học, mô đun lâm sàng tại bệnh viện và cơ sở	23	1035	0	1035	00
YD6229	Lâm sàng điều dưỡng cơ sở 1, 2	2	90	0	90	0
YD6230	Lâm sàng Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa	4	180	0	180	0
YD6231	Lâm sàng Dịch tễ học và các bệnh truyền nhiễm	2	90	0	90	0
YD6232	Lâm sàng CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa	3	135	0	135	0
YD6233	Lâm sàng Chăm sóc sức khỏe trẻ em	3	135	0	135	0
YD6234	Lâm sàng CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	2	90	0	90	0
YD6235	Lâm sàng Chăm sóc sức khỏe tâm thần	1	45	0	45	0
YD6236	Lâm sàng Chăm sóc sức khỏe bệnh chuyên khoa	1	45	0	45	0
YD6237	Thực tập cộng đồng	1	45	0	45	0
TN6000	Thực tập tốt nghiệp	4	180	0	180	0
II.4	Các môn học thay thế tốt nghiệp	4	45	14	29	2
YD6238	Nghề nghiệp và đạo đức người điều dưỡng	2	45	14	29	2
YD6239	Quản lý điều dưỡng	2	45	14	29	2
Tổng		107	2685	798	1814	73

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Hướng dẫn xây dựng chương trình chi tiết cho các môn học, mô đun đào tạo

- Căn cứ vào chương trình đào tạo và danh mục các môn học, mô đun đào tạo ngành, chuyên môn triển khai xây dựng chương trình các môn học, mô đun chi tiết đến các nội dung mục, tiểu mục hoặc tiêu đề, tiêu tiêu đề cần có để thuận tiện cho việc giảng dạy.

- Khi xây dựng chương trình chi tiết môn học, mô đun phải thực hiện đúng nội dung mục tiêu của chương trình đào tạo đã được ban hành, các nội dung được quy định theo Thông tư số: 03/2017/TT - BLĐT BXH ngày 01/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

STT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	- Vào các ngày lễ, kỷ niệm trong năm như 27/2, 26/3, 19/5... - Từ 5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	- Vào các ngày lễ, kỷ niệm trong năm như 19/5, 20/11.... - Ngoài giờ học hàng ngày
3	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện của nhà trường để đọc sách, tham khảo tài liệu và tra cứu thông tin	- Tất cả các ngày trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể - Đoàn thanh niên, Hội HSSV tổ chức các hoạt động giao lưu, các buổi sinh hoạt, cắm trại,...	- Vào các ngày lễ, kỷ niệm trong năm như 09/01, 26/3...
5	Khám bệnh và cấp phát thuốc miễn phí tình nguyện	- Dịp 27 tháng 7 hàng năm

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun

Thời gian tổ chức thi/kiểm tra hết môn học, mô đun áp dụng theo Điều 12, Điều 13, Điều 14 của Thông tư 09/2017/TT - BLĐT BXH ngày 13 tháng 03 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội; Và được hướng dẫn cụ thể theo từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của nhà trường.

4.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

Kết thúc khoá học, những sinh viên có đủ các điều kiện sau đây thì được xét tốt nghiệp:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo;
- Đánh giá tốt nghiệp theo Thông tư 09/2017/TT - BLĐT BXH ngày 13 tháng 03 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

TM. KHOA

TM. TỔ BIÊN SOẠN

Trần Ngọc Mai

Lê Thị Tuyết Sương

DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG